



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

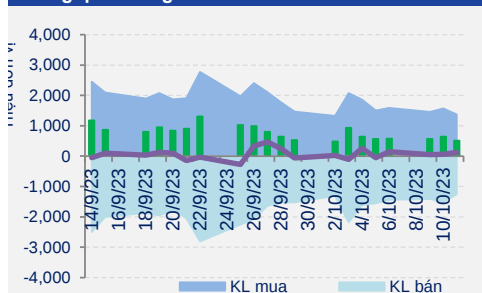
11/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

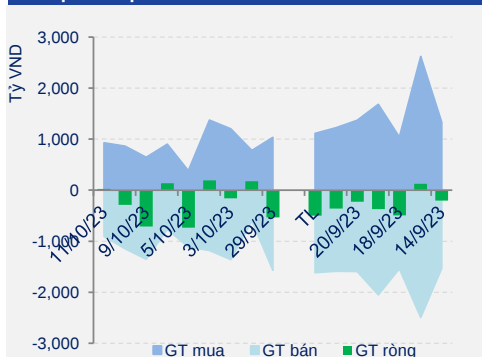
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,150.81	237.00
% Thay đổi	↑ 0.62%	↑ 1.21%
KLGD (CP)	512,543,007	92,083,422
GTGD (tỷ đồng)	12,176.02	1,882.72
Tổng cung (CP)	1,250,779,528	135,667,300
Tổng cầu (CP)	1,375,733,460	150,748,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	27,114,155	225,329
KL mua (CP)	29,304,185	1,234,575
GT mua (tỷ đồng)	927.51	44.68
GT bán (tỷ đồng)	904.98	4.97
GT ròng (tỷ đồng)	22.53	39.71

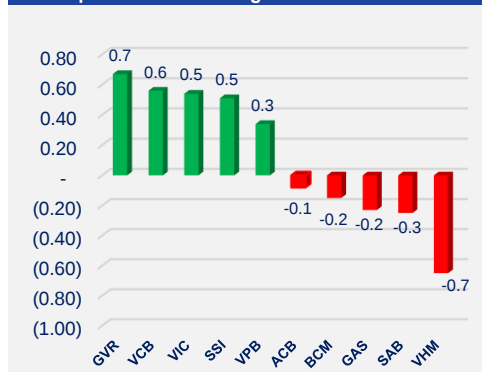
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau áp lực điều chỉnh cuối phiên trước, VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh để kiểm tra lại vùng giá cao nhất ngày 09/09/2023 quanh vùng 1.138 điểm, cũng như lấp lại khoảng trống tăng giá đầu phiên 10/10/2023 với thanh khoản thấp. Lực cầu sau đó gia tăng tốt trong phiên chiều với thanh khoản cải thiện tốt hơn, nhiều mã bật tăng giá mạnh khá tích cực. Kết phiên VN-INDEX tăng 7,12 điểm (0,65 điểm) lên mức 1.150,81 điểm, vượt lên lại vùng giá thấp nhất tháng 08/2023, cũng như lấy lại điểm số phiên giảm điểm mạnh đột biến ngày 03/10/2023. HNX-INDEX tăng 0,62 điểm (+0,27%) lên 234,17 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết duy trì tích cực với 363 mã tăng giá (18 mã tăng trần), 265 mã giảm giá (04 mã giảm sàn) và 146 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 14.054 tỷ đồng, giảm 18,12% so với phiên trước, chỉ khoảng 65% so với mức trung bình cho thấy mức độ phục hồi vẫn không đồng đều, phân hóa mạnh khi thị trường đang trong giai đoạn đón chờ thông tin kết quả kinh doanh quý III/2023. Nhà đầu tư nước ngoài thu hẹp giao dịch, mua ròng nhẹ với giá trị 22,53 tỷ đồng trên HOSE; mua ròng khá tốt trên HNX với giá trị 39,71 tỷ đồng.

Tại cuộc họp của Ban Chỉ đạo Điều hành giá sáng 11/10/2023, Phó Thủ tướng cho biết, tình hình kiểm soát chỉ số giá 9 tháng rất tốt. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 3,66% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2023, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,49%.

Mặc dù VN-INDEX phục hồi với thanh khoản thấp, nhưng với tâm lý cải thiện tốt hơn khi VN-INDEX vượt lên vùng quá quanh 1.150 điểm, do đó thị trường có nhiều diễn biến tích cực nổi bật hơn. Trong đó nhóm cổ phiếu dầu khí nhiều mã có diễn biến rất tích cực, thanh khoản cải thiện tốt sau những thông tin sơ bộ về báo cáo quý III/2023 tăng trưởng tốt với PVD (+6,11%), PVC (+5,23%), PVB (+5,18%), PVT (+4,71%), PVS (+4,23%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán sau áp lực điều chỉnh phiên trước, nhiều mã đã tăng mạnh trở lại trước những thông tin kỳ vọng kết quả kinh doanh phục hồi mạnh, nổi bật như FTS (+6,94%), AGR (+5,74%), SHS (+5,20%), VCI (+4,88%)... ngoài các mã giảm điểm nhẹ với VFS (-0,94%), TVS (-0,22%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng có diễn biến khá tích cực, thanh khoản cải thiện tốt, một số mã đã vượt và hướng đến vùng giá tương ứng lúc VN-INDEX 1.250 điểm như SZC (+3,86%), VGC (+3,35%), GVR (+3,24%), DPR (+2,98%), PHR (+2,06%)...

Trong khi đó, các cổ phiếu bất động sản phân hóa hơn, nhiều mã thanh khoản vẫn giảm mạnh, chưa thu hút lực cầu ngắn hạn trở lại, là một phần dẫn đến thanh khoản thị trường chung dưới mức trung bình, với một số mã tăng giá tích cực như QCG (+6,57%), DXG (+4,41%), NTL (+2,17%), CEO (+2,04%)... ngoài các mã giảm điểm với SJS (-3,87%), VPH (-2,98%), NDN (-0,98%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 tăng 9 điểm (+0,78%), mức chênh lệch tiếp tục thu hẹp âm -1,29 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI giảm. Diễn biến cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên giảm mạnh và có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở khi có nhiều vị thế sinh lợi ngắn hạn tốt. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -4,09 điểm đến -6,29 điểm, mức chênh lệch thu hẹp thể hiện các trader có kỳ vọng tốt hơn với VN30, gia tăng các vị thế ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Xu hướng hồi phục tiếp tục duy trì ổn định sau khi hình thành đáy điều chỉnh, VnIndex tăng điểm phiên thứ 4 liên tiếp chốt phiên giao dịch tăng +7,12 điểm (+0,62%) và đóng cửa ở 1.150,81 điểm.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường vẫn đang trong nhịp hồi phục kỹ thuật sau giai đoạn điều chỉnh khá sâu vừa qua như chúng tôi đã nhận định trong các bản tin gần đây. Hiện tại Vn-Index đang giao dịch tại vùng kháng cự quanh 1.050 điểm và chúng tôi kỳ vọng chỉ số sẽ có thể kiểm định lại ngưỡng 1.170 điểm trong thời gian tới. Ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn của chỉ số quanh vùng 1.135 điểm.

Xu hướng trung hạn của thị trường như đã phân tích vẫn đang tiến tới vùng cân bằng mới trong khoảng 1.150 điểm - 1.250 điểm và với biên độ dao động rộng thời gian qua nên thời gian hình thành nền tích lũy mới sẽ kéo dài. Mặc dù thị trường không còn xu hướng uptrend do đã đánh mất các ngưỡng hỗ trợ 1.150 điểm và 1.135 điểm nhưng vận động thị trường trong trung hạn vẫn mang tính chất tích cực.

Thị trường đang có các nhịp tăng, giảm đan xen để hướng tới chắt chẻ dần và Vn-Index có thể có những rung lắc tại vùng kháng cự 1.150 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mua đuổi giá cao trong các phiên tăng điểm, chỉ nên giải ngân tại các nhịp rung lắc nhưng với tâm thế thận trọng. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại, chờ thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	48.80	43-45	55-57	41	12.3	-27.2%	-62.6%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.60	13-14	17.5-18.2	12	4.7	8.3%	235.8%	Theo dõi giải ngân
PHR	49.50	46-48	57-59	43	7.6	-54.5%	136.4%	Theo dõi giải ngân
BSR	21.19	19.5-21	25.5-26	18	13.3	-35.7%	-86.8%	Theo dõi giải ngân
BVS	26.50	24-25.6	29-30	22	10.3	1.2%	415.3%	Theo dõi giải ngân
MBS	23.50	18.5-20	24-25	17.5	22.7	-21.8%	2.6%	Theo dõi giải ngân
VHM	47.40	43.5-46	61-63	41	4.6	634.5%	1348.3%	Theo dõi giải ngân
KBC	32.00	28-29.5	34-35	27	8.0	421.1%	294.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	39.30	38-38.7	44-46	35	6.1	-26.1%	-92.4%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	32.8	25.9	35-37	30	26.6%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	74.4	72.95	87-89	78	2.0%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	21.2	21.7	26-28	19	-2.3%	Nắm giữ
6/10/23	VHM	47.4	45	61-63	43	5.3%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Giá xăng giảm 1.800 đồng một lít**

Mỗi lít xăng giảm 1.600-1.800 đồng, các mặt hàng dầu cũng hạ 1.180-1.350 đồng, từ 16h chiều nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) giảm 1.800 đồng, về 23.040 đồng; E5 RON 92 hạ 1.600 đồng một lít, xuống 21.900 đồng. Đây là mức thấp nhất gần hai tháng qua. Cùng lúc, dầu hỏa, diesel và mazut cũng giảm hơn 1.000 đồng mỗi lít, kg (tùy loại). Kỳ điều hành hôm nay, liên Bộ tiếp tục không trích lập vào Quỹ bình ổn giá và dừng mức chi sử dụng từ quỹ này với các mặt hàng xăng, dầu.

Lãi suất tín phiếu và liên ngân hàng đồng loạt giảm mạnh, xuống dưới 1%

Cả lãi suất liên ngân hàng và lãi suất trúng thầu tín phiếu đều có xu hướng giảm trong những phiên giao dịch gần đây. Trong phiên hôm qua (10/10), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục chào bán tín phiếu theo cơ chế đấu thầu lãi suất. Kết quả có 6/11 thành viên tham gia trúng thầu với tổng khối lượng là gần 10.000 tỷ đồng, lãi suất 0,8%, giảm so với hai phiên đầu tuần là 1,28% và 1%. Đây cũng là mức lãi suất trúng thầu tín phiếu thấp nhất kể đầu tháng 10 tới nay. Số lượng thành viên tham gia đấu thầu tăng lên và lãi suất trúng thầu tín phiếu giảm cho thấy thanh khoản hệ thống có xu hướng dồi dào hơn. Điều này cũng phần nào thể hiện qua việc lãi suất bình quân liên ngân hàng liên tiếp giảm trong 2 phiên vừa qua.

Đảm bảo cung cầu hàng hóa và kiểm soát tốt CPI

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 9 tháng tăng 3,16% nên còn lại rất nhiều dư địa điều hành đối với các mặt hàng, lĩnh vực cần thiết trong những tháng cuối năm. Thông tin tại cuộc họp Ban chỉ đạo điều hành giá sáng 11/10 cho thấy, cuối tháng 9, đầu tháng 10, tình hình giá xăng dầu, năng lượng có xu hướng tăng, giá cả lương thực... có tác động trực tiếp đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI). Nhờ thực hiện chính sách tài khóa mạnh, có các giải pháp giảm thuế, gia hạn thuế... ta đã kiểm soát được tốt chỉ số này. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, CPI tháng 9/2023 tăng 3,66% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2023, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,49%.

Đề xuất đóng bảo hiểm xã hội sau năm 2025 không được rút một lần

Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung vừa ký Tờ trình của Chính phủ về Dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Trong đó, Chính phủ thống nhất trình Quốc hội 2 phương án về rút bảo hiểm xã hội một lần, trong đó có đề xuất người lao động tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) có hiệu (dự kiến 1/7/2025) thì không được nhận bảo hiểm xã hội một lần... Đây là phương án chính thức sẽ được trình Quốc hội thảo luận cho ý kiến lần đầu tại kỳ họp Quốc hội tháng 10/2023.

TIN DOANH NGHIỆP

Agribank, VietinBank, BIDV tiếp tục giảm lãi suất huy động, toàn bộ Big4 đưa mức cao nhất về còn 5,3%

Theo biểu lãi suất huy động mới nhất của Agribank, ngân hàng này điều chỉnh giảm 0,2 điểm % tại các kỳ hạn từ 3 tháng trở lên. Trong khi đó, lãi suất các kỳ hạn từ 3 tháng đến 5 tháng giảm từ 3,5% xuống 3,3%/năm; kỳ hạn từ 6 tháng đến 11 tháng giảm từ 4,5% xuống 4,3%/năm. Tương tự, VietinBank và BIDV cũng đồng loạt giảm 0,2 điểm % lãi suất tiền gửi tại các kỳ hạn từ 3 tháng trở lên, đưa lãi suất cao nhất xuống còn 5,3%/năm. Trước đó, Vietcombank giảm 0,2 điểm % ở loạt kỳ hạn từ 3 tháng trở lên vào ngày 3/10. Mức lãi suất cao nhất tại Vietcombank hiện chỉ còn 5,3%/năm, áp dụng cho các khoản tiền gửi từ 12 tháng trở lên.

Sonadezi Long Thành sắp tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023

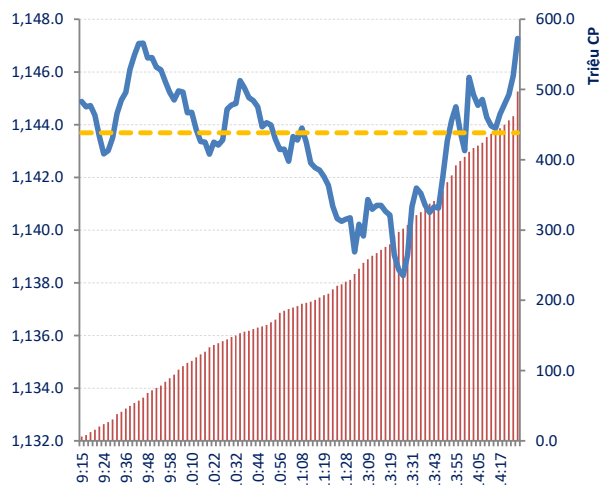
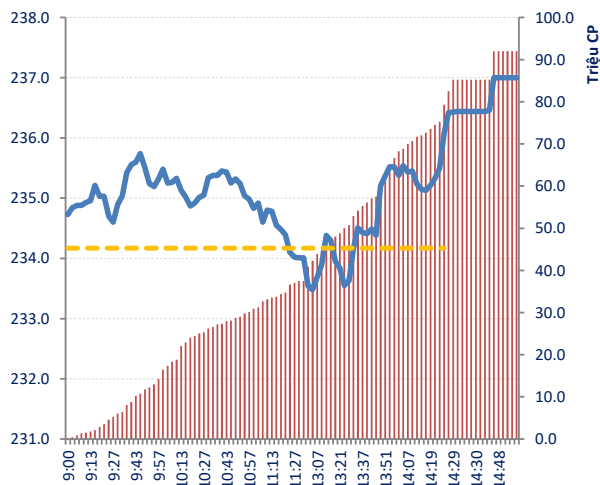
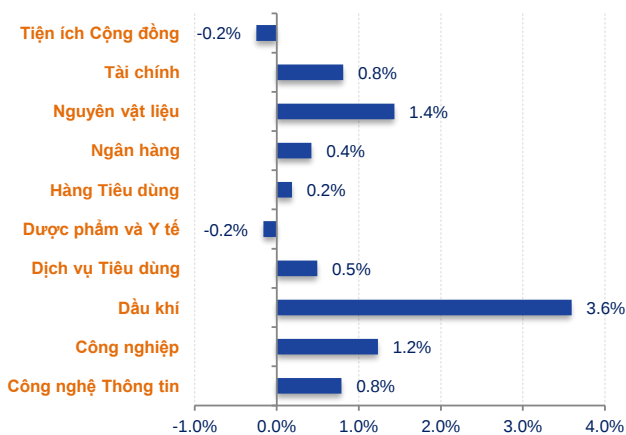
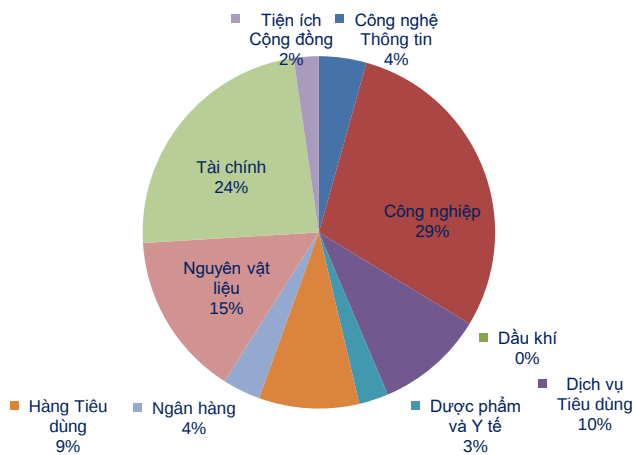
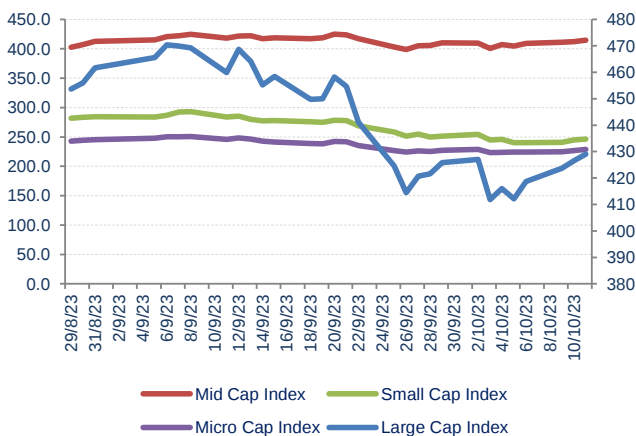
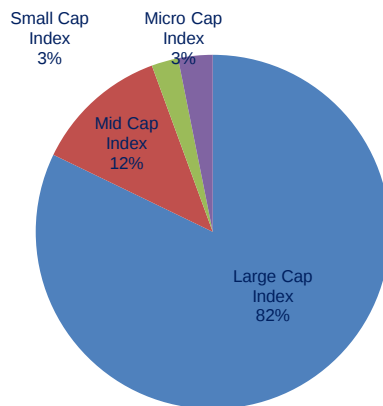
CTCP Sonadezi Long Thành (HOSE: SZL) thông báo chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 27/10/2023. Nghị quyết HĐQT ngày 10/10 của SZL thông qua chủ trương tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền. Với tỷ lệ thực hiện tạm ứng cổ tức 12%/cổ phiếu, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cp sẽ nhận được 1,200 đồng. Với hơn 18.2 triệu cp đang lưu hành, ước tính Sonadezi Long Thành chi gần 22 tỷ đồng cho đợt tạm ứng cổ tức này. Thời gian thực hiện dự kiến vào ngày 10/11/2023.

Thép Vicasa (VCA) tiếp tục báo lỗ quý III/2023

CTCP Thép Vicasa - VNSteel (mã chứng khoán VCA – sàn HOSE) mới công bố BCTC quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2023 với mức lỗ được thu hẹp đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Trong quý III, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần đạt 390 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Do giá vốn giảm mạnh hơn với 21%, xuống còn 383 tỷ đồng nên biên lợi nhuận gộp VCA từ mức âm gần 10 tỷ đồng được chuyển sang dương hơn 7 tỷ đồng. Kết quả, khoản lỗ sau thuế gần 22 tỷ đồng trong cùng kỳ năm ngoái của Vicasa đã được thu hẹp chỉ còn lỗ 2,7 tỷ đồng trong quý III vừa qua.

PNJ chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, tỷ lệ 8%

Ngày 10/10, HĐQT CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ – sàn HOSE) đã thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức đợt 3/2022. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông vào ngày 23/10 để chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 8%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 800 đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 20/10, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 27/10. Như vậy, với hơn 328 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, PNJ dự kiến sẽ chi khoảng 262,4 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	946,335	VPB	1,374,845	1	IDC	705,200	CEO	92,900
2	DXG	916,300	VHM	978,355	2	DDG	143,200	NVB	50,000
3	STB	734,100	FUEVFNVD	938,644	3	PVS	124,100	PVI	33,500
4	HDB	727,218	BID	785,200	4	TNG	71,500	PVG	10,000
5	GEX	686,700	FUESSVFL	500,500	5	SHS	36,000	DTD	1,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	32.70	34.00	↑ 3.98%	23,670,400	SHS	17.30	18.20	↑ 5.20%	29,895,972
VIX	15.55	16.05	↑ 3.22%	22,644,200	PVS	37.80	39.40	↑ 4.23%	9,533,035
VND	21.40	22.20	↑ 3.74%	22,409,200	CEO	19.60	20.00	↑ 2.04%	6,619,141
GEX	20.70	21.55	↑ 4.11%	17,773,700	HUT	23.00	23.10	↑ 0.43%	5,757,582
PVD	26.20	27.80	↑ 6.11%	15,292,100	MBS	22.50	23.50	↑ 4.44%	5,722,030

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PIT	7.72	8.26	0.54	↑ 6.99%	DAE	15.30	16.80	1.50	↑ 9.80%
TCT	23.60	25.25	1.65	↑ 6.99%	BAX	50.00	54.90	4.90	↑ 9.80%
ADP	18.60	19.90	1.30	↑ 6.99%	TFC	6.20	6.80	0.60	↑ 9.68%
ELC	22.95	24.55	1.60	↑ 6.97%	PMS	23.90	26.20	2.30	↑ 9.62%
HU1	8.61	9.21	0.60	↑ 6.97%	DVM	14.70	16.10	1.40	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SRF	8.98	8.37	-0.61	↓ -6.79%	CTB	22.20	20.00	-2.20	↓ -9.91%
RDP	11.25	10.50	-0.75	↓ -6.67%	KHS	18.40	16.60	-1.80	↓ -9.78%
SFC	18.40	17.35	-1.05	↓ -5.71%	VTC	9.60	8.70	-0.90	↓ -9.38%
FUCVREIT	7.39	7.00	-0.39	↓ -5.28%	SDN	32.50	29.50	-3.00	↓ -9.23%
TCR	3.50	3.32	-0.18	↓ -5.14%	TJC	12.10	11.10	-1.00	↓ -8.26%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	23,670,400	7.3%	1,093	29.9	2.2
VIX	22,644,200	7.0%	839	18.5	1.2
VND	22,409,200	3.9%	467	45.8	1.7
GEX	17,773,700	1.6%	385	53.8	0.8
PVD	15,292,100	1.8%	449	58.4	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	29,895,972	4.3%	507	34.1	1.4
PVS	9,533,035	7.2%	1,953	19.4	1.4
CEO	6,619,141	7.7%	903	21.7	1.6
HUT	5,757,582	1.3%	123	186.6	5.3
MBS	5,722,030	10.0%	1,037	21.7	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PIT	↑ 7.0%	0.5%	45	171.5	0.9
TCT	↑ 7.0%	5.2%	1,345	17.5	0.9
ADP	↑ 7.0%	14.5%	1,701	10.9	1.7
ELC	↑ 7.0%	2.2%	347	66.2	1.5
HU1	↑ 7.0%	1.0%	153	56.1	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DAE	↑ 9.8%	6.7%	1,388	11.0	0.7
BAX	↑ 9.8%	10.4%	3,012	16.6	1.9
TFC	↑ 9.7%	10.7%	1,271	4.9	0.5
PMS	↑ 9.6%	14.3%	3,203	7.5	1.1
DVM	↑ 9.5%	8.3%	1,521	9.7	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	946,335	7.3%	1,093	29.9	2.2
DXG	916,300	-1.4%	(317)	-	0.7
STB	734,100	17.2%	3,601	8.7	1.4
HDB	727,218	20.3%	2,765	6.3	1.2
GEX	686,700	1.6%	385	53.8	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	705,200	20.7%	3,969	12.1	2.6
DDG	143,200	-24.7%	(3,031)	-	0.8
PVS	124,100	7.2%	1,953	19.4	1.4
TNG	71,500	15.5%	2,372	8.9	1.4
SHS	36,000	4.3%	507	34.1	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	481,221	23.0%	5,797	14.9	3.2
BID	212,711	19.0%	4,025	10.4	1.9
VHM	209,010	29.1%	10,341	4.6	1.2
GAS	198,438	20.3%	5,567	15.5	2.9
VIC	171,246	3.9%	1,395	32.2	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	20,528	1.3%	123	186.6	5.3
PVS	18,067	7.2%	1,953	19.4	1.4
IDC	15,873	20.7%	3,969	12.1	2.6
SHS	14,068	4.3%	507	34.1	1.4
THD	13,860	2.9%	458	78.5	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.19	-0.4%	(63)	-	0.7
EVG	2.89	1.3%	157	34.8	0.4
VPH	2.71	0.4%	39	215.1	0.8
GEX	2.67	1.6%	385	53.8	0.8
LGL	2.61	5.9%	769	5.4	0.3

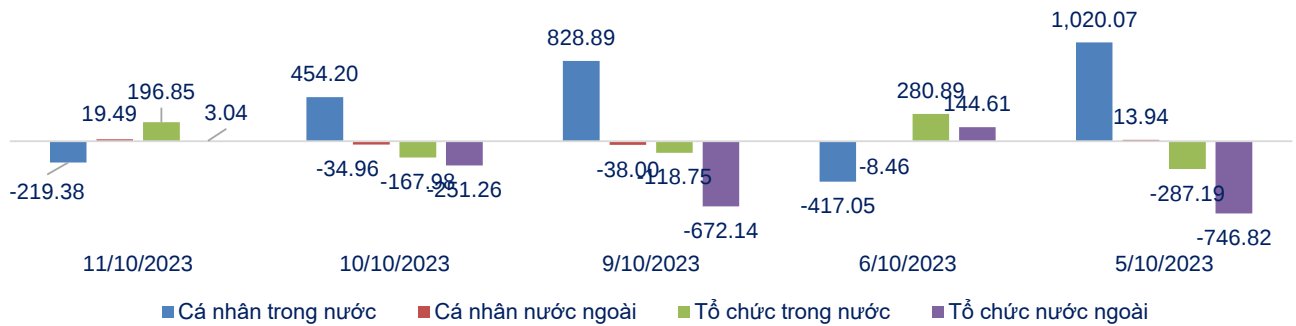
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.40	2.4%	261	83.1	2.0
APS	2.81	-9.5%	(1,172)	-	0.6
VC2	2.77	3.9%	557	19.7	0.8
IDJ	2.73	5.8%	656	9.6	0.5
IVS	2.67	2.8%	298	33.9	0.9



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	62.71	17.8%	4,373	7.2	1.2
VNM	42.34	23.9%	3,937	18.9	4.2
VHM	34.08	29.1%	10,341	4.6	1.2
HPG	31.28	-2.0%	(328)	-	1.5
BID	30.32	19.0%	4,025	10.4	1.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-107.78	17.2%	3,601	8.7	1.4
SSI	-55.15	7.3%	1,093	29.9	2.2
VCB	-38.28	23.0%	5,797	14.9	3.2
GEG	-37.91	4.0%	579	26.2	0.9
TCB	-30.04	15.3%	5,061	6.4	0.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	10.07	22.3%	3,496	5.3	1.1
HAH	2.48	20.6%	5,583	7.2	1.4
HPG	2.25	-2.0%	(328)	-	1.5
GMD	2.24	26.9%	7,569	8.7	2.1
BCM	1.43	2.4%	418	164.9	4.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	-2.65	5.3%	714	28.1	1.5
HSL	-1.14	2.8%	339	26.7	0.7
BCG	-0.60	-0.3%	(79)	-	0.3
HSG	-0.57	-12.5%	(2,114)	-	1.1
ELC	-0.49	2.2%	347	66.2	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	84.60	17.2%	3,601	8.7	1.4
GEG	37.92	4.0%	579	26.2	0.9
FPT	36.50	22.1%	4,596	21.0	4.3
TCB	30.04	15.3%	5,061	6.4	0.9
SSI	23.81	7.3%	1,093	29.9	2.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-57.14	17.8%	4,373	7.2	1.2
HPG	-41.58	-2.0%	(328)	-	1.5
VNM	-36.02	23.9%	3,937	18.9	4.2
VIX	-25.66	7.0%	839	18.5	1.2
GEX	-17.26	1.6%	385	53.8	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	31.67	7.3%	1,093	29.9	2.2
VCB	26.49	23.0%	5,797	14.9	3.2
STB	23.15	17.2%	3,601	8.7	1.4
VIC	20.91	3.9%	1,395	32.2	1.2
PC1	19.78	3.7%	944	34.6	1.3

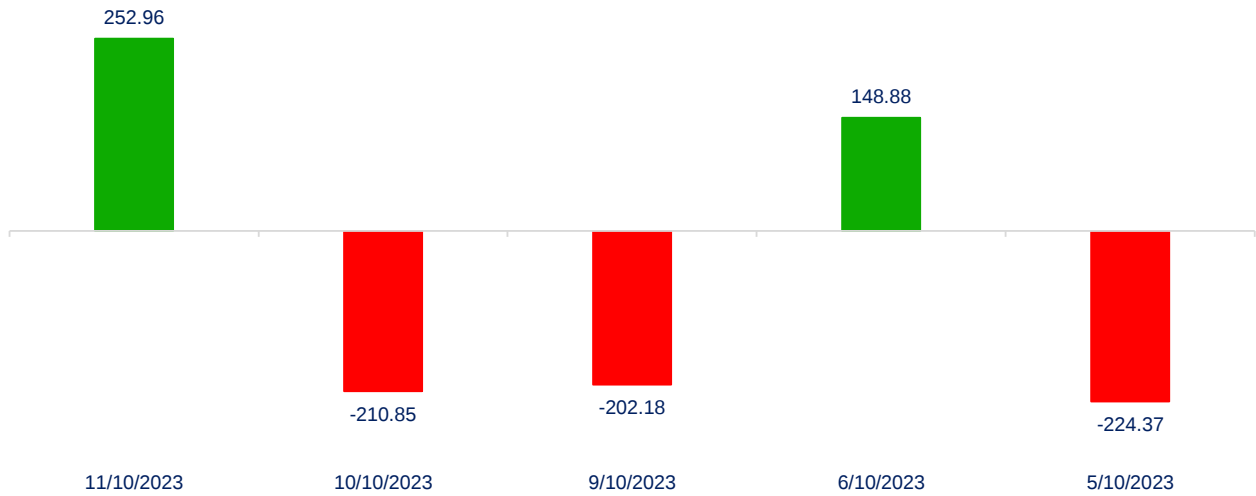
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-46.36	29.1%	10,341	4.6	1.2
BID	-33.01	19.0%	4,025	10.4	1.9
VPB	-29.61	11.1%	1,728	12.5	1.4
SAB	-25.10	17.8%	3,518	19.6	3.5
FUEVFVND	-24.79	N/A	N/A	N/A	N/A

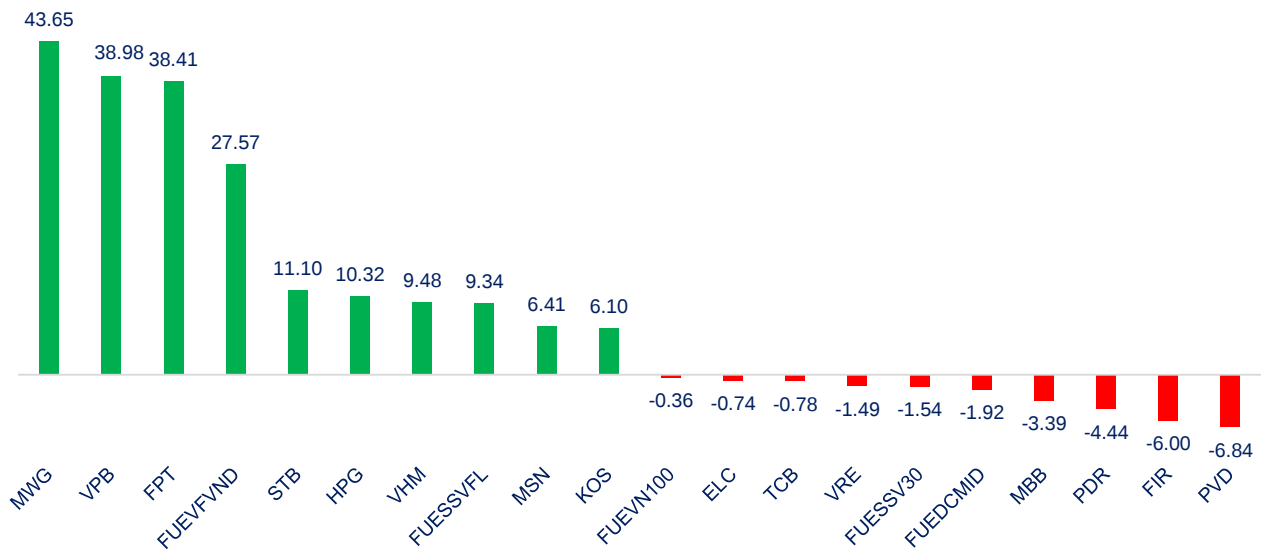


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn